

BỘ TƯ PHÁP
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA KẾT QUẢ
TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2190/TB-HĐKT
V/v: Thông báo kết quả kiểm tra hết tập
sự hành nghề luật sư

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2013

Kính gửi:

Thực hiện Thông tư số 21/2010/TT-BTP ngày 01 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp ban hành Quy chế tập sự hành nghề luật sư, Quyết định số 3131/QĐ-BTP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thành lập Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư, kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư lần thứ hai năm 2012 đã được tổ chức từ ngày 14/12/2012 đến ngày 16/12/2012 tại thành phố Hà Nội và từ ngày 21/12/2012 đến ngày 23/12/2012 tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ kết quả chấm điểm của Ban Chấm thi viết, Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư thông báo cho các Đoàn luật sư có người tập sự hành nghề luật sư tham dự kiểm tra về điểm kiểm tra và kết quả kiểm tra của người tập sự hành nghề luật sư đã tham dự kiểm tra (có danh sách kèm theo Công văn này).

Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư có trách nhiệm thông báo kết quả kiểm tra cho từng người tập sự hành nghề luật sư và làm thủ tục đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư cho những người đạt yêu cầu theo thông báo này; những người không đạt yêu cầu kiểm tra thì được gia hạn tập sự hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 9 của Quy chế tập sự hành nghề luật sư được ban hành kèm theo Thông tư số 21/2010/TT-BTP ngày 01/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Những thí sinh không đồng ý với kết quả kiểm tra bài kiểm tra viết có quyền làm đơn đề nghị phúc tra gửi Chủ tịch Hội đồng kiểm tra. Đơn đề nghị phúc tra được gửi về Vụ Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp, 58 -60 Trần Phú, Hà Nội trước ngày 15/04/2013.

Nơi nhận:

- Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư có người tập sự hành nghề luật sư tham dự kiểm tra;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Chủ tịch Hội đồng kiểm tra (để b/c);
- Các thành viên Hội đồng (để biết);
- Liên đoàn luật sư Việt Nam (để biết);
- Cơ quan đại diện Bộ Tư pháp tại TPHCM (để biết);
- Sở Tư pháp (để biết);
- Lưu: VT. Vụ BTTP.

TM. HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



VỤ TRƯỞNG VỤ BỔ TRỢ TƯ PHÁP
Đỗ Hoàng Yến



KẾT QUẢ KIỂM TRA TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ
KHU VỰC HÀ NỘI

(Kèm theo Công văn số. 2190/TB-HĐKT ngày 21 tháng 03 năm 2013 của Hội đồng kiểm tra)

TT	HỌ VÀ TÊN		NĂM SINH	ĐLS	SỐ BÁO DANH	ĐIỂM ĐẠO ĐỨC	KỸ NĂNG	ĐIỂM VẤN ĐÁP	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
1.	TRẦN ĐÔNG	A	1986	Hà Nội	001/KVHN	6.5	5.5	6.0	Đạt	
2.	ĐÀO THỊ LAN	ANH	1972	Hà Nội	002/KVHN	5.5	6.5	5.0	Đạt	
3.	TRUNG THỊ KIM	ANH	1972	Hà Nội	003/KVHN	5.5	6.5	5.0	Đạt	
4.	TRẦN TUẤN	ANH	1974	Hà Nội	004/KVHN	7.0	4.0	4.5	Không Đạt	
5.	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	1976	Hà Nội	005/KVHN	5.0	6.5	6.0	Đạt	
6.	HÀ NGỌC	ANH	1986	Hà Nội	006/KVHN	6.0	7.0	5.5	Đạt	
7.	HOÀNG THỊ VŨ	ANH	1986	Hà Nội	007/KVHN	5.0	4.0	7.0	Không Đạt	
8.	ĐẶNG HỮU	ANH	1987	Hà Nội	008/KVHN	6.5	6.5	7.0	Đạt	
9.	ĐỖ THỊ MAI	ANH	1969	Hà Nội	009/KVHN	4.0	3.0	6.0	Không Đạt	
10.	HÀ VĂN	ANH	1983	Hà Nội	010/KVHN	5.0	4.5	6.0	Không Đạt	
11.	VŨ THỊ KIM	ANH	1975	Hà Nội	011/KVHN	7.0	7.5	5.0	Đạt	
12.	TRẦN TUẤN	ANH	1982	Hưng Yên	012/KVHN	6.5	8.0	7.0	Đạt	
13.	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	ÁNH	1974	Hà Nội	013/KVHN	4.5	5.0	5.0	Không Đạt	
14.	NGÔ THÀNH	BA	1977	Hà Nội	014/KVHN	5.0	4.0	5.0	Không Đạt	
15.	NGUYỄN HỒNG	BẮC	1986	Hà Nội	015/KVHN	5.5	5.5	8.5	Đạt	
16.	PHẠM ĐẠI	BÁCH	1986	Hà Nội	016/KVHN	4.5	4.5	5.0	Không Đạt	
17.	ĐÀO VĂN	BÁY	1975	Hải Phòng	017/KVHN	5.0	3.0	5.5	Không Đạt	
18.	NGUYỄN XUÂN	BIÊN	1974	Hà Nội	018/KVHN	7.0	2.0	5.0	Không Đạt	
19.	LÊ HỒNG	CẢNH	1977	Hà Nội	019/KVHN	5.0	8.0	6.0	Đạt	
20.	LÊ VĂN	CAO	1983	Thừa Thiên Huế	020/KVHN	6.5	7.5	7.0	Đạt	
21.	DOÀN THỊ MINH	CHÁU	1975	Hà Nội	021/KVHN	5.0	6.0	6.5	Đạt	
22.	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	CHI	1984	Hà Nội	022/KVHN	5.5	7.0	7.0	Đạt	

Handwritten signature

23.	PHẠM MINH	CHI	1986	Hà Nội	023/KVHN						Vắng
24.	NGUYỄN QUANG	CHIẾN	1972	Hải Phòng	024/KVHN	5.0	4.0	7.0	Không Đạt		
25.	ĐỖ HỮU	CHÍNH	1952	Hà Nội	025/KVHN	4.5	5.5	5.0	Không Đạt		
26.	TRƯƠNG MINH	CHÍNH	1973	Hà Nội	026/KVHN	7.5	5.5	4.0	Đạt		
27.	NGUYỄN THỊ	CHỖ	1956	Hà Nội	027/KVHN	3.5	5.0	5.0	Không Đạt		
28.	CHU ĐĂNG	CHUNG	1975	Hà Nội	028/KVHN	2.5	5.0	5.0	Không Đạt		
29.	NGUYỄN THỊ THÚY	CHUNG	1987	Hà Nội	029/KVHN	5.5	5.5	6.5	Đạt		
30.	VƯƠNG XUÂN	CHUNG	1975	Nghệ An	030/KVHN	5.5	4.0	5.0	Không Đạt		
31.	NGUYỄN VĂN	CHƯƠNG	1974	Hà Nội	031/KVHN	5.0	5.5	6.0	Đạt		
32.	ĐỖ ĐÌNH	CHUYÊN	1983	Hà Nội	032/KVHN	6.0	5.0	5.0	Đạt		
33.	VŨ THỊ	CÚC	1955	Hà Nội	033/KVHN	4.5	5.0	6.0	Không Đạt		
34.	ĐẶNG VIỆT	CƯỜNG	1959	Hà Nội	034/KVHN	6.0	5.5	6.0	Đạt		
35.	LƯU ANH	CƯỜNG	1978	Hà Nội	035/KVHN	6.5	6.0	5.5	Đạt		
36.	LÊ CAO	CƯỜNG	1980	Hà Nội	036/KVHN	7.0	4.0	4.0	Không Đạt		
37.	TRẦN TUẤN	CƯỜNG	1983	Hà Nội	037/KVHN	6.0	5.5	6.0	Đạt		
38.	ĐẶNG XUÂN	CƯỜNG	1985	Hà Nội	038/KVHN	9.0	5.0	6.0	Đạt		
39.	NGUYỄN THUY	CƯỜNG	1984	Hà Nội	039/KVHN	4.5	7.0	6.5	Không Đạt		
40.	LƯU THIẾU	ĐÀO	1952	Hà Nội	040/KVHN	4.0	4.5	5.0	Không Đạt		
41.	TÙ TIẾN	ĐẠT	1978	Hưng Yên	041/KVHN	6.5	6.5	7.0	Đạt		
42.	VŨ THỊ HƯƠNG	DIỆU	1981	Yên Bái	042/KVHN					Vắng	
43.	DƯƠNG XUÂN	ĐÔNG	1977	Hà Nội	043/KVHN	5.0	5.0	5.5	Đạt		
44.	BẠCH VĂN	ĐÔNG	1978	Hà Nội	044/KVHN	5.5	6.0	5.0	Đạt		
45.	VŨ HUY	DU	1983	Hà Nội	045/KVHN	5.5	5.0	5.0	Đạt		
46.	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	1956	Hà Nội	046/KVHN	6.0	5.5	5.0	Đạt		
47.	NGUYỄN ĐÌNH	ĐỨC	1963	Hà Nội	047/KVHN	4.0	5.0	6.5	Không Đạt		
48.	PHẠM NGỌC	ĐỨC	1963	Hà Nội	048/KVHN					Vắng	
49.	ĐOÀN MINH	ĐỨC	1982	Hà Nội	049/KVHN	4.5	7.0	7.0	Không Đạt		
50.	PHẠM THỊ NGỌC	DUNG	1975	Hà Nội	050/KVHN	6.5	5.0	6.5	Đạt		
51.	NGHIÊM THỊ LÊ	DUNG	1979	Hà Nội	051/KVHN					Vắng	
52.	NGUYỄN THỊ THANH	DUNG	1980	Hà Nội	052/KVHN	6.5	5.5	5.5	Đạt		

53.	PHẠM THỊ	DUNG	1980	Hà Nội	053/KVHN	6.0	4.5	5.5	Không Đạt	
54.	HÀ THỊ	DUNG	1984	Hà Nội	054/KVHN	5.5	6.5	9.0	Đạt	
55.	NGUYỄN THÙY	DUNG	1986	Hà Nội	055/KVHN	5.5	5.0	6.0	Đạt	
56.	PHẠM THÙY	DUNG	1986	Hà Nội	056/KVHN	5.5	5.5	5.5	Đạt	
57.	LƯƠNG THÚY	DUNG	1978	Hà Nội	057/KVHN	7.0	3.5	5.0	Không Đạt	
58.	NGUYỄN ANH	DŨNG	1962	Hà Nội	058/KVHN	5.5	5.0	5.0	Đạt	
59.	PHẠM TIẾN	DŨNG	1963	Hà Nội	059/KVHN	5.5	6.0	5.0	Đạt	
60.	VŨ VĂN	DŨNG	1970	Hà Nội	060/KVHN	5.0	5.0	6.0	Đạt	
61.	LÊ ĐÌNH	DŨNG	1978	Hà Nội	061/KVHN	8.0	7.0	5.0	Đạt	
62.	TRẦN	DŨNG	1979	Hà Nội	062/KVHN					Vắng
63.	TRẦN TIẾN	DŨNG	1983	Hà Nội	063/KVHN	8.5	5.0	6.0	Đạt	
64.	ĐỖ TIẾN	DŨNG	1987	Hà Nội	064/KVHN	8.0	6.5	5.5	Đạt	
65.	ĐẶNG VIỆT	DŨNG	1978	Hà Nội	065/KVHN	7.5	5.5	5.5	Đạt	
66.	LÝ THÙY	DƯƠNG	1986	Hà Nội	066/KVHN	6.0	5.5	5.0	Đạt	
67.	ĐỒNG THỊ	DƯƠNG	1984	Hà Nội	067/KVHN					Vắng
68.	TRINH THỊ	DƯƠNG	1987	Hải Phòng	068/KVHN	7.0	7.0	5.5	Đạt	
69.	NGUYỄN VIỆT	DƯƠNG	1971	Quảng Ninh	069/KVHN	5.5	6.5	4.0	Không Đạt	
70.	NGUYỄN HỮU	DUY	1985	Hà Nội	070/KVHN	7.5	7.5	5.0	Đạt	
71.	NGUYỄN HOÀNG	GIANG	1973	Hà Nội	071/KVHN	6.5	4.0	5.0	Không Đạt	
72.	LÊ TUẤN	GIANG	1976	Hà Nội	072/KVHN	5.5	5.0	6.0	Đạt	
73.	NGUYỄN THỊ HUƠNG	GIANG	1981	Hà Nội	073/KVHN	5.5	6.0	4.0	Không Đạt	
74.	LÊ QUỐC	GIANG	1984	Hà Nội	074/KVHN	5.5	7.0	7.0	Đạt	
75.	HÀ VĂN	GIANG	1985	Hà Nội	075/KVHN	6.0	5.5	5.0	Đạt	
76.	NGUYỄN HỮU	GIANG	1985	Hà Nội	076/KVHN	6.5	5.5	3.0	Không Đạt	
77.	NGUYỄN MINH	GIANG	1981	Hưng Yên	077/KVHN	6.5	6.5	3.0	Không Đạt	
78.	NGUYỄN THỊ HUƠNG	GIANG	1976	Nghệ An	078/KVHN	7.5	5.5	5.5	Đạt	
79.	NGUYỄN VĂN	GIÁP	1983	Hà Nội	079/KVHN	7.0	5.0	7.0	Đạt	
80.	ĐỖ VĂN	GIÁP	1987	Hà Nội	080/KVHN	6.5	7.5	5.5	Đạt	
81.	HOÀNG TRỌNG	GIÁP	1983	Hà Nội	081/KVHN	6.5	6.5	6.0	Đạt	
82.	NGUYỄN ĐÌNH	GIÁP	1984	Hà Tĩnh	082/KVHN	8.0	6.0	5.0	Đạt	

3/12

Handwritten signature

83.	PHẠM THỊ THU	HÀ	1973	Hà Nội	083/KVHN	7.0	5.5	6.0	Đạt
84.	NGUYỄN THỊ THÚY	HÀ	1975	Hà Nội	084/KVHN	6.5	3.5	5.5	Không Đạt
85.	LÊ THỊ THU	HÀ	1977	Hà Nội	085/KVHN	8.5	5.5	6.5	Đạt
86.	ĐINH THỊ THU	HÀ	1981	Hà Nội	086/KVHN	8.5	5.5	5.5	Đạt
87.	BÙI THỊ NGỌC	HÀ	1985	Hà Nội	087/KVHN	5.5	6.0	6.5	Đạt
88.	PHẠM THỊ THU	HÀ	1988	Hà Nội	088/KVHN	7.5	6.0	7.0	Đạt
89.	NGUYỄN THỊ MINH	HÀ	1959	Hải Phòng	089/KVHN	6.5	4.5	6.0	Không Đạt
90.	PHẠM THỊ THU	HÀ	1966	Hải Phòng	090/KVHN	6.0	5.0	5.0	Đạt
91.	ĐÀO NGỌC	HẢI	1959	Hà Nội	091/KVHN	6.5	6.0	5.0	Đạt
92.	ĐINH XUÂN	HẢI	1975	Hà Nội	092/KVHN	7.0	5.0	4.0	Không Đạt
93.	VŨ MINH	HẢI	1976	Hà Nội	093/KVHN	4.5	5.0	5.5	Không Đạt
94.	TRỊNH XUÂN	HẢI	1972	Thái Bình	094/KVHN	6.0	5.5	5.0	Đạt
95.	LÝ MINH	HĂNG	1983	Hà Nội	095/KVHN	5.5	6.0	5.5	Đạt
96.	HOÀNG THỊ LỆ	HĂNG	1984	Hà Nội	096/KVHN	8.0	5.0	7.0	Đạt
97.	MAI THỊ MINH	HĂNG	1986	Hà Nội	097/KVHN	6.5	6.5	5.0	Đạt
98.	NGÔ THỊ THU	HĂNG	1986	Hà Nội	098/KVHN	6.5	6.5	6.5	Đạt
99.	DƯƠNG THỊ	HĂNG	1987	Hà Nội	099/KVHN	8.5	6.5	6.5	Đạt
100.	NGÔ KIM	HẠNH	1956	Hà Nội	100/KVHN	7.5	5.5	5.0	Đạt
101.	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	1976	Hà Nội	101/KVHN	5.0	7.5	5.5	Đạt
102.	LƯU ĐỨC	HẠNH	1977	Hà Nội	102/KVHN	6.5	5.5	6.0	Đạt
103.	NGUYỄN THỊ BÍCH	HẠNH	1979	Hà Nội	103/KVHN	6.5	6.5	7.0	Đạt
104.	NGUYỄN THỊ	HẠNH	1984	Hà Nội	104/KVHN	5.5	5.5	6.0	Đạt
105.	LÊ THỊ	HẠNH	1986	Hà Nội	105/KVHN	5.5	6.0	5.0	Đạt
106.	QUẦN VÂN	HÀO	1985	Hà Nội	106/KVHN	7.0	5.5	6.0	Đạt
107.	PHAN VÂN	HÀO	1985	Hà Nội	107/KVHN	7.5	5.5	4.5	Không Đạt
108.	ĐOÀN XUÂN	HẠU	1971	Hà Nội	108/KVHN	4.5	5.5	6.5	Không Đạt
109.	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỀN	1976	Hà Nội	109/KVHN	7.5	6.0	6.5	Đạt
110.	LÝ THANH	HIỀN	1973	Hà Nội	110/KVHN	8.5	5.0	6.0	Đạt
111.	PHẠM THU	HIỀN	1976	Hà Nội	111/KVHN	7.0	5.5	5.0	Đạt
112.	LÊ THỊ THU	HIỀN	1986	Hà Nội	112/KVHN	6.0	5.0	5.0	Đạt

113.	NGUYỄN THỊ	HIỀN	1987	Hà Nội	113/KVHN	7.5	3.5	4.0	Không Đạt	
114.	NGUYỄN THU	HIỀN	1987	Quảng Ninh	114/KVHN	7.5	5.0	5.0	Đạt	
115.	PHẠM VĂN	HIỀN	1965	Hà Nội	115/KVHN					vắng
116.	TRẦN QUỐC	HIỆP	1969	Hà Nội	116/KVHN	5.5	3.5	4.5	Không Đạt	
117.	VÕ TÁ	HIỆU	1982	Hà Nội	117/KVHN	5.5	7.0	4.5	Không Đạt	
118.	NGUYỄN THỊ	HOA	1974	Hà Nội	118/KVHN	6.5	5.0	5.0	Đạt	
119.	DƯƠNG THỊ MAI	HOA	1977	Hà Nội	119/KVHN	6.0	5.0	5.5	Đạt	
120.	LƯƠNG THỊ	HOA	1979	Hà Nội	120/KVHN					Vắng
121.	NÔNG CHÍNH	HOA	1986	Hà Nội	121/KVHN	6.0	7.0	5.0	Đạt	
122.	PHẠM VĂN	HOA	1960	Hải Phòng	122/KVHN	7.0	3.5	5.0	Không Đạt	
123.	NGUYỄN THỊ NHƯ'	HOA	1975	Thái Bình	123/KVHN	6.5	6.5	5.0	Đạt	
124.	TRẦN THỊ THÁI	HÒA	1980	Hà Nội	124/KVHN	6.5	5.0	5.0	Đạt	
125.	LÊ THỊ THU	HÒA	1980	Hà Nội	125/KVHN	7.5	7.0	6.0	Đạt	
126.	NGUYỄN THÚY	HÒA	1987	Hà Nội	126/KVHN	6.5	7.0	5.5	Đạt	
127.	HOÀNG ĐỨC	HÒA	1987	Hà Nội	127/KVHN	7.5	4.5	5.0	Không Đạt	
128.	TRẦN PHƯƠNG	HOÀI	1973	Hải Phòng	128/KVHN	8.0	5.0	5.0	Đạt	
129.	LƯƠNG VĂN	HOAN	1963	Hà Nội	129/KVHN	3.5	3.5	5.5	Không Đạt	
130.	VŨ KIM	HOÀN	1984	Hà Nội	130/KVHN	5.5	5.5	5.0	Đạt	
131.	ĐẶNG THỊ	HỒNG	1957	Cao Bằng	131/KVHN	5.5	5.5	6.5	Đạt	
132.	ĐOÀN THU	HỒNG	1986	Hà Nội	132/KVHN	8.0	6.5	6.0	Đạt	
133.	VŨ HỒNG	HUÂN	1985	Hà Nội	133/KVHN	7.0	6.0	6.0	Đạt	
134.	PHẠM ĐỨC	HUẤN	1978	Hà Nội	134/KVHN	5.0	4.0	4.5	Không Đạt	
135.	LÊ HỒNG	HUẤN	1982	Hà Nội	135/KVHN	5.0	6.0	5.5	Đạt	
136.	TRẦN MINH	HUẤN	1950	Sơn La	136/KVHN	5.0	5.0	6.0	Đạt	
137.	VŨ VĂN	HUỆ	1953	Hà Nội	137/KVHN	5.0	5.0	5.5	Đạt	
138.	NGUYỄN THỊ	HUỆ	1976	Hà Nội	138/KVHN	6.0	5.5	6.0	Đạt	
139.	NGUYỄN THỊ THANH	HUỆ	1983	Hà Nội	139/KVHN	6.5	5.5	6.0	Đạt	
140.	HỨA PHI	HÙNG	1984	Hà Nội	140/KVHN	5.5	7.5	6.0	Đạt	
141.	ĐINH MẠNH	HÙNG	1985	Hà Nội	141/KVHN	6.5	8.0	7.0	Đạt	
142.	HOÀNG VĂN	HÙNG	1983	Hà Nội	142/KVHN	5.5	4.5	6.5	Không Đạt	

5/1/2

XH

143.	NGUYỄN VĂN	HUÛNG	1985	Hà Nội	143/KVHN	5.5	6.0	7.0	Đạt	
144.	NGUYỄN ĐÌNH	HUÛNG	1974	Nghệ An	144/KVHN	7.5	3.0	5.5	Không Đạt	
145.	TRỌNG THỊ THU	HUÛNG	1962	Hà Nội	145/KVHN	4.5	4.5	6.5	Không Đạt	
146.	NGUYỄN THỊ LAN	HUÛNG	1978	Hà Nội	146/KVHN	5.0	5.5	8.0	Đạt	
147.	NGUYỄN THỊ	HUÛNG	1979	Hà Nội	147/KVHN	6.0	7.0	5.5	Đạt	
148.	PHẠM THỊ LAN	HUÛNG	1984	Hà Nội	148/KVHN	6.5	6.0	6.0	Đạt	
149.	NGUYỄN THU	HUÛNG	1986	Hà Nội	149/KVHN	5.0	5.0	6.0	Đạt	
150.	NGUYỄN THỊ TUYẾT	HUÛNG	1987	Hà Nội	150/KVHN	5.0	5.5	7.5	Đạt	
151.	ĐỖ THANH	HUÛNG	1987	Hà Nội	151/KVHN	5.5	7.5	7.5	Đạt	
152.	NÔNG THỊ MAI	HUÛNG	1985	Hà Nội	152/KVHN					Vắng
153.	ĐỖ THỊ LAN	HUÛNG	1985	Hà Nội	153/KVHN	7.0	6.5	7.0	Đạt	
154.	LƯU THỊ THU	HUÛNG	1982	Hải Phòng	154/KVHN	5.5	6.0	7.5	Đạt	
155.	HOÀNG THỊ LAN	HUÛNG	1987	Hưng Yên	155/KVHN	7.5	5.5	7.0	Đạt	
156.	ĐỖ THỊ THU	HUÛNG	1986	Hưng Yên	156/KVHN	5.5	5.5	6.5	Đạt	
157.	HOÀNG VĂN	HỮU	1984	Hà Nội	157/KVHN	7.5	6.0	6.0	Đạt	
158.	PHẠM QUANG	HUY	1983	Hà Nội	158/KVHN	5.5	8.5	5.5	Đạt	
159.	TRẦN LÊ	HUY	1979	Hà Nội	159/KVHN	5.0	7.0	5.0	Đạt	
160.	HOÀNG THỊ THU	HUYỀN	1985	Hà Nội	160/KVHN	5.5	6.0	5.0	Đạt	
161.	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	1985	Hà Nội	161/KVHN	5.0	6.0	6.0	Đạt	
162.	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	1986	Hà Nội	162/KVHN					Có đơn hoãn
163.	LÊ THỊ	HUYỀN	1986	Hà Nội	163/KVHN	4.0	6.0	5.5	Không Đạt	
164.	VŨ THỊ GIANG	HUYỀN	1987	Hà Nội	164/KVHN	5.0	7.0	5.5	Đạt	
165.	VƯƠNG THU	HUYỀN	1987	Hà Nội	165/KVHN	3.5	7.0	5.5	Đạt	
166.	MA NGỌC	KHANH		Tuyên Quang	166/KVHN	5.5	6.5	5.0	Đạt	
167.	ĐẶNG THỊ VÂN	KHÁNH	1986	Hà Nội	167/KVHN	5.5	7.0	5.5	Đạt	
168.	NGUYỄN NGỌC	KHÁNH	1979	Hà Nội	168/KVHN	4.0	4.5	4.0	Không Đạt	
169.	ĐÀO ĐĂNG	KHOA	1970	Hà Nội	169/KVHN	6.0	6.0	5.0	Đạt	
170.	PHÙNG THỊ THU	KHUÊ	1979	Hà Nội	170/KVHN	6.0	5.5	5.0	Đạt	
171.	ĐÀO TRUNG	KIÊN	1976	Hà Nội	171/KVHN	6.0	5.5	4.0	Không Đạt	
172.	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	1981	Hà Nội	172/KVHN					Vắng

6/12

NHA

173.	ĐÀO VĂN	LAI	1962	Hải Phòng	173/KVHN	5.5	4.5	5.5	Không Đạt	
174.	LÊ PHƯƠNG	LAN	1974	Hà Nội	174/KVHN	7.0	5.5	6.0	Đạt	
175.	NGÔ THỊ	LAN	1977	Hà Nội	175/KVHN	7.5	6.5	3.5	Không Đạt	
176.	PHAN THỊ	LÊ	1984	Hà Nội	176/KVHN	5.5	6.5	7.0	Đạt	
177.	TRẦN THỊ THUY	LIÊN	1984	Hà Nội	177/KVHN	7.0	5.5	5.5	Đạt	
178.	MAI THỊ	LIÊN	1985	Hà Nội	178/KVHN	5.5	6.0	5.5	Đạt	
179.	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	LIÊN	1987	Hà Nội	179/KVHN	6.0	5.5	6.0	Đạt	
180.	NGUYỄN KHÁNH	LINH	1973	Hà Nội	180/KVHN	8.0	5.5	6.0	Đạt	
181.	ĐỖ TRỌNG	LINH	1974	Hà Nội	181/KVHN	5.5	6.5	6.0	Đạt	
182.	TRẦN THUY	LINH	1986	Hà Nội	182/KVHN				Vắng	
183.	PHẠM THUY	LINH	1987	Hà Nội	183/KVHN	8.0	7.5	5.5	Đạt	
184.	PHẠM XUÂN	LINH	1981	Thanh Hóa	184/KVHN	5.5	6.5	6.0	Đạt	
185.	NGUYỄN THỊ	LOAN	1984	Hà Nội	185/KVHN	6.5	5.0	5.0	Đạt	
186.	PHẠM QUỐC	LONG	1961	Hà Nội	186/KVHN	5.5	4.5	5.0	Không Đạt	
187.	PHÙNG NGỌC	LÔNG	1976	Hà Nội	187/KVHN	7.0	5.5	6.5	Đạt	
188.	DƯƠNG QUANG	LONG	1976	Hà Nội	188/KVHN	8.0	7.5	6.0	Đạt	
189.	PHẠM VIỆT	LUÂN	1980	Hà Nội	189/KVHN	7.0	5.0	5.0	Đạt	
190.	BÙI NGỌC	LUẬT	1985	Hà Nội	190/KVHN	5.5	7.5	3.0	Không Đạt	
191.	NGUYỄN THỊ THU	LƯƠNG	1965	Hà Nội	191/KVHN	5.5	4.0	3.0	Không Đạt	
192.	NGUYỄN THỊ	LUYẾN	1982	Hà Nội	192/KVHN	5.0	6.0	5.5	Đạt	
193.	NGUYỄN THỊ THANH	MAI	1979	Hà Nội	193/KVHN	4.5	5.5	6.0	Không Đạt	
194.	PHẠM THỊ	MÂN	1984	Hà Tĩnh	194/KVHN	5.0	6.0	5.0	Đạt	
195.	VÕ SỸ	MẠNH	1982	Hà Nội	195/KVHN				Vắng	
196.	ĐỖ QUANG	MINH	1974	Hà Nội	196/KVHN	5.5	4.5	4.0	Không Đạt	
197.	LÃNG KHẮC	MINH	1976	Hà Nội	197/KVHN	5.0	7.0	4.0	Không Đạt	
198.	VŨ THỊ THU	MINH	1977	Hà Nội	198/KVHN	6.0	5.0	6.0	Đạt	
199.	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	1977	Quảng Ninh	199/KVHN	6.0	5.5	5.0	Đạt	
200.	VŨ THỊ LAN	MỸ	1986	Hà Nội	200/KVHN	5.0	4.5	7.0	Không Đạt	
201.	NGUYỄN VŨ	NAM	1972	Hà Nội	201/KVHN	5.5	5.0	6.0	Đạt	
202.	PHẠM THỊ HOÀI	NAM	1985	Hà Nội	202/KVHN				Vắng	

203.	NGÔ VĂN	NAM	1964	Hà Nội	203/KVHN	5.5	5.5	5.0	Đạt	
204.	NGUYỄN THỊ	NGA	1981	Hà Nội	204/KVHN	5.5	6.5	6.5	Đạt	
205.	NGUYỄN THỊ THÚY	NGÀ	1987	Quảng Ninh	205/KVHN	8.0	5.5	6.5	Đạt	
206.	MAI THỊ THANH	NGÀ	1977	Hà Nội	206/KVHN	8.0	5.0	6.0	Đạt	
207.	NGUYỄN THỊ HẰNG	NGÂN	1981	Hà Nội	207/KVHN	5.5	7.5	6.0	Đạt	
208.	NGUYỄN THỊ	NGÂN	1985	Hà Nội	208/KVHN	5.0	7.5	6.0	Đạt	
209.	HOÀNG THỊ	NGHĨA	1984	Hà Nội	209/KVHN	5.5	6.0	5.5	Đạt	
210.	TRẦN XUÂN	NGỌC	1962	Hà Nội	210/KVHN	5.0	5.0	5.5	Đạt	
211.	TRẦN KHẮC	NGỌC	1975	Hà Nội	211/KVHN	5.0	4.5	4.0	Không Đạt	
212.	HỒ THÚY	NGỌC	1977	Hà Nội	212/KVHN					Có đơn xin hoãn thi
213.	TRẦN TRUNG	NGUYỄN	1984	Hà Nội	213/KVHN	3.5	5.0	5.0	Không Đạt	
214.	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGUYỄN	1981	Hà Nội	214/KVHN	5.5	6.5	5.0	Đạt	
215.	VŨ THỊ	NGUYỆT	1983	Hà Nội	215/KVHN	7.0	5.0	5.5	Đạt	
216.	TÀO THU MINH	NGUYỆT	1987	Hà Nội	216/KVHN	5.0	7.5	6.0	Đạt	
217.	NGUYỄN THỊ	NHÂN	1978	Hà Nội	217/KVHN	7.0	5.5	6.0	Đạt	
218.	NGUYỄN THỊ	NHẬT	1978	Hà Nội	218/KVHN	5.5	4.0	5.0	Không Đạt	
219.	NGUYỄN VĂN	NHẬT	1984	Quảng Trị	219/KVHN	5.0	5.0	5.0	Đạt	
220.	MÃ ĐÌNH	NHẬT	1981	Yên Bái	220/KVHN	6.5	5.0	5.0	Đạt	
221.	ĐINH THỊ HOÀNG	NHUNG	1982	Hà Nội	221/KVHN	6.0	5.5	5.0	Đạt	
222.	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	1987	Hà Nội	222/KVHN	6.0	7.0	5.0	Đạt	
223.	NGUYỄN THỊ TRANG	NHUNG	1989	Hà Nội	223/KVHN	5.5	5.5	5.0	Đạt	
224.	VÕ THỊ TUYẾT	NHUNG	1956	Hà Nội	224/KVHN	5.0	5.5	5.0	Đạt	
225.	LƯU HỒNG	NHUNG	1987	Hải Phòng	225/KVHN	4.0	5.0	6.0	Không Đạt	
226.	HỒ THỊ HOÀNG	OANH	1982	Thừa Thiên Huế	226/KVHN	6.0	8.0	5.0	Đạt	
227.	HOÀNG TÂM	PHI	1978	Hà Nội	227/KVHN	5.0	5.5	5.5	Đạt	
228.	ĐINH THỊ KIM	PHIẾN	1978	Hà Nội	228/KVHN	6.5	5.0	5.5	Đạt	
229.	CHU QUANG	PHONG	1983	Hà Nội	229/KVHN					Vắng
230.	TRẦN ĐẠI	PHONG	1985	Hà Nội	230/KVHN	5.5	5.0	5.0	Đạt	
231.	TẠ HỒNG	PHONG	1986	Hà Nội	231/KVHN	5.0	5.5	5.0	Đạt	
232.	MAI TIỀN	PHONG	1968	Hà Nội	232/KVHN	6.0	6.0	5.5	Đạt	

233.	KIỀU DIỄM	PHÚC	1973	Hà Nội	233/KVHN	6.5	5.5	5.5	Đạt	
234.	TỔ HOÀNG	PHÚC	1978	Hà Nội	234/KVHN	5.5	6.0	5.5	Đạt	
235.	NGUYỄN TRỌNG	PHƯƠNG	1960	Hà Nội	235/KVHN	5.5	5.0	7.0	Đạt	
236.	NGUYỄN ANH	PHƯƠNG	1962	Hà Nội	236/KVHN	6.5	4.5	7.0	Không Đạt	
237.	LÊ THỊ LAN	PHƯƠNG	1983	Hà Nội	237/KVHN	4.5	5.0	6.5	Không Đạt	
238.	TRẦN THỊ THU	PHƯƠNG	1977	Hà Nội	238/KVHN	8.0	5.5	6.0	Đạt	
239.	NGUYỄN BÌNH	PHƯƠNG	1984	Hà Nội	239/KVHN	5.5	4.5	6.5	Không Đạt	
240.	PHẠM HOÀNG	PHƯƠNG	1986	Hà Nội	240/KVHN	4.5	3.5	6.0	Không Đạt	
241.	NGUYỄN HOÀNG ĐOÀN	PHƯƠNG	1982	Hà Nội	241/KVHN	4.5	5.0	5.5	Không Đạt	
242.	NGUYỄN THỊ ÁI	PHƯƠNG	1987	Thái Bình	242/KVHN	5.0	4.5	6.5	Không Đạt	
243.	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	1986	Hà Nội	243/KVHN	7.0	6.5	6.0	Đạt	
244.	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	1983	Hưng Yên	244/KVHN	6.5	5.0	6.0	Đạt	
245.	NGUYỄN TRỌNG	QUANG	1977	Hà Nội	245/KVHN	6.5	6.0	6.0	Đạt	
246.	NGUYỄN HỒNG	QUANG	1979	Hà Nội	246/KVHN	8.0	7.5	5.5	Đạt	
247.	VƯƠNG VĂN	QUANG	1980	Hà Nội	247/KVHN	6.5	6.5	6.0	Đạt	
248.	VŨ ANH	QUANG	1975	Hà Nội	248/KVHN	6.0	7.5	6.0	Đạt	
249.	BÙI HẢI	QUANG	1973	Hà Nội	249/KVHN				Vắng	
250.	TRẦN NHƯ	QUỲNH	1980	Hà Nội	250/KVHN	6.5	6.0	6.0	Đạt	
251.	LÊ THÚY	QUỲNH	1975	Hải Phòng	251/KVHN	5.5	4.0	6.5	Không Đạt	
252.	CHU QUỐC	QUỲNH	1983	Phú Thọ	252/KVHN	6.0	5.0	6.0	Đạt	
253.	HOÀNG THỊ	SOA	1987	Hà Nội	253/KVHN	7.0	5.5	6.5	Đạt	
254.	NGÔ MINH	SƠN	1964	Hà Nội	254/KVHN	6.0	5.0	5.5	Đạt	
255.	HOÀNG VĂN	SƠN	1979	Hà Nội	255/KVHN	6.0	7.5	5.5	Đạt	
256.	BÙI NGỌC	SƠN	1987	Hà Nội	256/KVHN	5.5	8.0	6.5	Đạt	
257.	ĐẶNG THANH	SƠN	1977	Nghệ An	257/KVHN	6.0	3.5	6.5	Không Đạt	
258.	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	1986	Hà Nội	258/KVHN	7.0	5.5	6.0	Đạt	
259.	HOÀNG VĂN	THẠCH	1985	Hà Nội	259/KVHN	7.5	7.5	6.5	Đạt	
260.	NGÔ THỊ THU	THÁI	1985	Hải Phòng	260/KVHN	5.5	5.0	6.0	Đạt	
261.	LÊ MINH	THẮNG	1977	Hà Nội	261/KVHN	5.0	5.0	7.5	Đạt	
262.	NGUYỄN VĂN	THẮNG	1983	Hà Nội	262/KVHN	4.5	6.0	5.0	Không Đạt	

263.	PHẠM MINH	THẮNG	1985	Hà Nội	263/KVHN	6.0	6.5	5.0	Đạt	
264.	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	1979	Hà Nội	264/KVHN	6.0	6.5	5.0	Đạt	
265.	HÀ THỊ THU	THANH	1962	Hà Nội	265/KVHN	6.0	5.5	5.5	Đạt	
266.	ĐÌNH VIỆT	THANH	1969	Hà Nội	266/KVHN	5.0	5.0	5.0	Đạt	
267.	TRẦN KHÁC	THANH	1979	Hà Nội	267/KVHN	7.5	5.0	6.0	Đạt	
268.	PHẠM THỊ	THANH	1986	Hà Nội	268/KVHN	7.0	6.0	4.0	Không Đạt	
269.	LÊ THỊ GIANG	THANH	1980	Hà Nội	269/KVHN					Vắng
270.	HOÀNG HẢI	THANH	1975	Hải Phòng	270/KVHN	7.0	5.5	4.0	Không Đạt	
271.	NGUYỄN CÔNG	THÀNH	1974	Hà Nội	271/KVHN	7.5	3.5	5.0	Không Đạt	
272.	TRẦN XUÂN	THÀNH	1986	Hà Nội	272/KVHN	4.5	6.5	5.5	Không Đạt	
273.	NGUYỄN VĂN	THAO	1981	Hà Nội	273/KVHN	5.0	6.0	5.0	Đạt	
274.	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	1982	Nghệ An	274/KVHN	7.5	4.5	5.0	Không Đạt	
275.	LÊ TRỌNG	THÊM	1986	Hà Nội	275/KVHN	6.0	4.0	7.5	Không Đạt	
276.	HOÀNG VĂN	THIỆU	1978	Hà Nội	276/KVHN	6.5	7.5	5.5	Đạt	
277.	DƯƠNG XUÂN	THÌN	1952	Hà Nội	277/KVHN	5.0	5.0	5.0	Đạt	
278.	NGUYỄN MINH	THỊNH	1956	Hà Nội	278/KVHN					Vắng
279.	ĐỖ ĐỨC	THỊNH	1979	Hải Phòng	279/KVHN	6.0	5.5	7.0	Đạt	
280.	NGUYỄN THỂ	THỌ	1983	Hải Phòng	280/KVHN	6.0	6.0	5.0	Đạt	
281.	TRẦN THỊ BÍCH	THƠM	1986	Hà Nội	281/KVHN	5.5	8.0	6.5	Đạt	
282.	PHẠM THỊ	THU	1985	Hà Nội	282/KVHN	8.5	8.0	5.0	Đạt	
283.	BÙI QUANG	THU	1978	Hà Nội	283/KVHN	5.0	5.5	5.0	Đạt	
284.	ĐÀO THỊ LỆ	THU	1986	Hà Nội	284/KVHN	5.0	5.5	5.0	Đạt	
285.	LÊ THỊ	THU	1987	Hà Nội	285/KVHN	7.0	5.0	5.5	Đạt	
286.	ĐÀO NGUYỄN	THUẬT	1967	Hà Nội	286/KVHN	5.5	5.0	5.0	Đạt	
287.	CHU BÁ	THỰC	1978	Hà Nội	287/KVHN	5.0	4.5	5.0	Không Đạt	
288.	BÙI THỊ	THƯỜNG	1983	Hà Nội	288/KVHN	7.5	5.0	5.0	Đạt	
289.	HOÀNG THỊ	THƯỜNG	1985	Hà Nội	289/KVHN	6.0	5.5	5.0	Đạt	
290.	NGUYỄN VĂN	THƯỜNG	1969	Hà Nội	290/KVHN	5.0	4.0	5.0	Không Đạt	
291.	TRẦN THỊ HỒNG	THÚY	1987	Hà Nội	291/KVHN	4.0	5.0	7.5	Không Đạt	
292.	VŨ THỊ	THÚY	1987	Hà Nội	292/KVHN	5.5	6.0	8.0	Đạt	

10/12

4/4

293.	PHẠM XUÂN	THÙY	1973	Hà Nội	293/KVHN	6.0	6.5	5.0	Đạt
294.	NGUYỄN BÍCH	THÙY	1977	Hà Nội	294/KVHN	5.0	3.0	5.0	Không Đạt
295.	HÀ THỊ	THÙY	1985	Hà Nội	295/KVHN	5.5	7.0	5.5	Đạt
296.	LÊ VĨNH	THÙY	1986	Hà Nội	296/KVHN	5.0	5.0	5.0	Đạt
297.	NGUYỄN PHÚ	TIỆM	1982	Hà Nội	297/KVHN	6.5	5.0	5.5	Đạt
298.	NGUYỄN MINH	TIỀN	1984	Hà Nội	298/KVHN	6.5	7.0	5.5	Đạt
299.	NGUYỄN GIA	TIỆP	1967	Hải Phòng	299/KVHN	5.5	3.0	5.0	Không Đạt
300.	NGUYỄN ĐÀO	TỐ	1983	Hà Nội	300/KVHN	6.0	6.0	5.0	Đạt
301.	TRỊNH KHÁNH	TOÀN	1972	Hà Nội	301/KVHN	6.0	5.0	5.5	Đạt
302.	BÙI KHẮC	TOÀN	1959	Hà Nội	302/KVHN	6.0	5.0	5.0	Đạt
303.	NGUYỄN LÊ	TRÂM	1974	Hà Nội	303/KVHN	6.5	5.5	5.5	Đạt
304.	HỒ THỊ	TRÂM	1987	Hà Nội	304/KVHN	5.5	7.0	5.5	Đạt
305.	NGUYỄN THÙY	TRANG	1978	Hà Nội	305/KVHN	8.0	7.0	5.0	Đạt
306.	NGUYỄN THỊ HUỖN	TRANG	1985	Hà Nội	306/KVHN	6.0	5.0	5.0	Đạt
307.	ĐINH THỊ THU	TRANG	1986	Hà Nội	307/KVHN	5.0	2.5	5.0	Không Đạt
308.	NGUYỄN KIM	TRUNG	1982	Hà Nội	308/KVHN	4.5	5.5	5.0	Không Đạt
309.	NGUYỄN PHÚC	TRUNG	1971	Hà Nội	309/KVHN	6.5	5.0	5.5	Đạt
310.	ĐẶNG XUÂN	TRƯỜNG	1966	Hà Nội	310/KVHN	6.0	6.0	5.5	Đạt
311.	NGUYỄN THANH	TÚ	1974	Hà Nội	311/KVHN	5.5	6.5	5.5	Đạt
312.	NGUYỄN THỊ THANH	TÚ	1976	Hà Nội	312/KVHN	6.5	6.5	6.0	Đạt
313.	NGUYỄN QUỐC	TUẤN	1952	Hà Nội	313/KVHN	7.0	5.0	6.0	Đạt
314.	PHẠM VĂN	TUẤN	1985	Hà Nội	314/KVHN	5.0	7.0	7.0	Đạt
315.	TRẦN THANH	TUẤN	1981	Hà Nội	315/KVHN	5.5	6.0	4.5	Không Đạt
316.	TRẦN VĂN	TUẤN	1982	Hà Nội	316/KVHN	8.0	4.5	7.5	Không Đạt
317.	NGUYỄN VĂN	TUẤN	1984	Hà Nội	317/KVHN	6.0	5.0	6.5	Đạt
318.	LÊ MINH	TUẤN	1987	Hà Nội	318/KVHN	7.5	5.0	7.0	Đạt
319.	TRỊNH ANH	TUẤN	1983	Hà Nội	319/KVHN	5.5	5.0	5.5	Đạt
320.	LÊ THANH	TÙNG	1981	Hà Nội	320/KVHN	5.0	3.5	5.0	Không Đạt
321.	LƯƠNG THANH	TÙNG	1983	Hà Nội	321/KVHN	4.0	6.0	6.0	Không Đạt
322.	NGUYỄN THANH	TÙNG	1984	Hà Nội	322/KVHN	5.0	7.0	6.5	Đạt

323.	ĐỖ NGỌC	TUYỀN	1982	Thái Bình	323/KVHN	6.0	4.0	6.5	Không Đạt	
324.	NGUYỄN THỊ	TUYỀN	1984	Hà Nội	324/KVHN	5.5	7.5	7.0	Đạt	
325.	NGUYỄN GIA	TUYỀN	1958	Hà Nội	325/KVHN	3.0	3.5	5.5	Không Đạt	
326.	NGUYỄN THANH	VĂN	1985	Hà Nội	326/KVHN	5.5	4.5	7.0	Không Đạt	
327.	NGUYỄN THỊ	VĂN	1986	Hà Nội	327/KVHN	6.0	6.0	6.5	Đạt	
328.	NGUYỄN	VIỆT	1970	Hà Nội	328/KVHN	4.0	4.5	5.0	Không Đạt	
329.	BÙI DANH	VIỆT	1985	Hà Nội	329/KVHN	5.0	5.5	6.0	Đạt	
330.	NGUYỄN TRỌNG	VIỆT	1987	Hà Nội	330/KVHN	6.5	6.0	6.0	Đạt	
331.	NGUYỄN THẾ	VINH	1981	Hà Nội	331/KVHN	5.5	7.5	7.0	Đạt	
332.	ĐẶNG TUYẾT	VINH	1968	Hà Nội	332/KVHN	6.0	7.0	8.0	Đạt	
333.	PHÙNG VIỆT	VĨNH	1986	Thái Bình	333/KVHN	5.5	5.5	7.0	Đạt	
334.	PHAN VĂN	VŨ	1985	Hà Nội	334/KVHN	6.0	8.0	6.0	Đạt	
335.	CAO XUÂN	VƯỢNG	1984	Hà Nội	335/KVHN	8.0	6.5	6.0	Đạt	
336.	NGUYỄN VĂN	XUÂN	1975	Hà Nội	336/KVHN	6.0	5.0	6.5	Đạt	
337.	NGÔ THỊ THANH	XUÂN	1985	Hà Nội	337/KVHN	8.5	5.5	7.0	Đạt	
338.	LÊ THỊ HẢI	YẾN	1981	Hà Nội	338/KVHN	6.5	3.5	7.0	Không Đạt	
339.	LÊ THỊ	YẾN	1982	Hà Nội	339/KVHN	5.5	4.5	7.0	Không Đạt	
340.	NGUYỄN THỊ	YẾN	1987	Hà Nội	340/KVHN	6.0	6.5	6.5	Đạt	
341.	PHẠM THỊ	THANH	1984	Hưng Yên	341/KVHN	3.5	6.5	7.0	Không Đạt	
342.	NGÔ THẾ	HẠ	1953	TP. HCM	342/KVHN	5.5	4.5	4.5	Không Đạt	